TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI TP. HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 386/2025/DS-PT
Ngày: 28 – 4 – 2025
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 và 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 688/2024/TLST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2024/DS –ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà T K S1, sinh năm 1962.

Tên gọi khác: T S1 K; S1 K T.

Định cư tại: Số A, SAN FRANCISCO, CALIFORNIA, USA;

Địa chỉ cư trú: Số A, C, Khóm B, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số B, L (đường A), Khu phố G, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Lê Thanh H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: D Lầu A, A, Phường F, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Dương Thế L, sinh năm 1986;

Địa chỉ: B L phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt). (Theo v*ăn bản ủy quyền ngày 02/11/2023).*

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Hồng D, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số B, đường M, Khóm D, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Bà Huỳnh Ánh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số G, đường N, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2024). (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (V).

Trụ sở: Số A, Đường T, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Đơn khởi kiện ngày 02/11/2023, nguyên đơn bà Triệu Kim S trình bày:

Ngày 02/3/2016, bà đang định cư ở Mỹ có chuyển số tiền 205.000 USD về Việt Nam nhờ bà Phan Thị Hồng D mở sổ tiết kiệm đứng tên giùm để khi bà về Việt Nam định cư bà sẽ dùng số tiền này mua nhà để ở. Bà chuyển tiền thông qua Ngân hàng W về Việt Nam, bà D đã nhận tiền tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S1, sau đó gửi tiền vào Sổ tiết kiệm số: PK 2788842, phát hành ngày 02/3/2016 mang tên bà D và bà D có đưa sổ tiết kiệm lại cho bà giữ.

Bà về Việt Nam dự định rút tiền ra mua nhà, nhiều lần bà nhờ bà D ra Ngân hàng rút tiền đưa bà nhưng bà D cố tình không thực hiện, bà D cho rằng số tiền nêu trên là tiền của bà D.

Bà T K S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà D trả lại cho bà số tiền 205.000 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam đồng (VNĐ) hiện tại là 24.570 đồng/1USD, tạm tính là 5.036.850.000 VNĐ; bà không yêu cầu tính lãi suất. Bà D phải thanh toán cho bà một lần sau khi có bản án, quyết định của Tòa án.

Đến ngày 29/01/2024, nguyên đơn bà S có Đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện như sau:

Yêu cầu bà D trả lại cho bà số tiền 205.000 USD, quy đổi ra tiền VNĐ hiện tại là 24.570 đồng/1USD, tạm tính là 5.036.850.000 đồng và yêu cầu bà D thanh toán lãi suất 0,83%/tháng của số tiền 205.000 USD (được quy đổi số tiền 5.036.850.000 đồng), kể từ ngày 02/3/2016 đến khi Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đưa vụ án ra xét xử, số tiền lãi tạm tính là 3.929.750.370 đồng; tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 8.966.600.370 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/4/2024, bà S xác định: Bà đi Mỹ từ năm 1980, mỗi năm về từ 01 đến 02 lần, mỗi lần về từ 01 - 02 tháng, bà có tình cảm với bà D từ năm 1996, nên khi về Việt Nam bà có đến nhà bà D ở, giữa bà với bà D không phải là vợ chồng và cũng không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Bà S chuyển tiền cho bà D từ Ngân hàng W qua Ngân hàng TMCP S2 (S3) Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển 04 lần số tiền 198.200 USD, số tiền còn lại 6.800 USD thì bà S đưa trực tiếp cho bà D khi về Việt Nam, nhưng không có làm biên nhận và cũng không có ai chứng kiến.

Sau khi tất toán 205.000 USD vào ngày 20/9/2016 thì bà D đổi thành tiền VNĐ là khoảng 4.600.000.000 đồng và gửi tiết kiệm tại Ngân hàng V - Chi nhánh S1 từ năm 2016 - 2019; sau đó chuyển qua gửi tiết kiệm tại Ngân hàng S2 (S3) - Chi nhánh S1 từ năm 2019 đến khi đáo hạn tháng 12/2023 thì bà S đưa sổ cho bà D đáo hạn nhưng bà D không trả sổ lại, nên bà S khởi kiện cho đến nay. Bà S biết bà Nguyễn Thị Quế H1 cùng đứng tên đồng chủ sở hữu tài khoản gửi tiết kiệm với bà D nhưng không có ý kiến phản đối. Số tiền VNĐ phát sinh thêm sau mỗi lần tất toán là do bà S đưa trực tiếp cho bà D, đến kỳ tất toán ngày 19/02/2024 tiền vốn là 8.344.314.899 đồng và tiền lãi là 62.806.372 đồng; tổng cộng vốn và lãi là 8.407.121.271 đồng. Việc bà S gửi tiền về là tặng cho gia đình bà S, không phải tặng cho gia đình bà D.

Do đó, bà S cũng như người đại diện theo uỷ quyền thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà D trả cho bà S tổng số tiền 8.407.121.271 đồng (bao gồm tiền vốn ban đầu và tiền lãi phát sinh). Do bà S là người cao tuổi, nên yêu cầu được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Huỳnh Ánh T trình bày:

Bà D không có mượn tiền và cũng không có giữ giùm bà S số tiền 205.000 USD, số tiền này là tiền của bà D, không phải của bà S. Phía nguyên đơn có cung cấp bản sao kê tài khoản của bà S, thể hiện bà S có chuyển cho bà D số tiền 198.200 USD.

Theo lệnh chuyển tiền từ Ngân hàng W qua Ngân hàng Sacombank Thành phố S3 thể hiện rõ qua dịch thuật về nội dung ghi là *"Tặng cho gia đình"*, tức là tặng cho bà D, nên bà D đã sử dụng hết số tiền được tặng cho, hiện nay không còn.

Nội dung chuyển tiền là do bà S ghi, phía ngân hàng thụ hưởng chỉ tiếp nhận tin nhắn từ ngân hàng nước ngoài, không có việc bà D ghi hoặc ngân hàng thụ hưởng ghi nội dung trên.

Lâu lâu bà S có về Việt Nam một lần, khi về Việt Nam thì bà S có đến nhà bà D ở, giữa bà D với bà S có tình cảm với nhau, nhưng không phải là vợ chồng và cũng không có đăng ký kết hôn, vì có tình cảm với nhau nên bà S có gửi tặng cho bà D số tiền 198.200 USD, chứ bà D không có nhận của bà S số tiền 205.000 USD, việc tặng cho không có điều kiện.

Bà D sống độc thân một mình, nên việc ghi quà tặng gia đình thì cũng chỉ có một mình bà D và L1 chuyển tiền chỉ ghi tên cá nhân bà D, nên thể hiện đây là việc tặng cho riêng bà D, không có ai khác.

Quá trình gửi tiết kiệm thì bà H1 là người đứng tên đồng chủ sở hữu tài khoản với bà D và đến khi tất toán vào tháng 02/2024 thì đã trả phần của bà H1 xong, nên bà đề nghị không đưa bà H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do đó, đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS –ST ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 68, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm đ khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 161, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện (sau khi thay đổi) của nguyên đơn bà T1 K S (T11 SANG KIM; S K T1) v11 việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Hồng D trả lại cho bà số tiền là 8.407.121.271 đồng (Tám tỷ bốn trăm linh bảy triệu một trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi mốt đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T K S (T S K; S K T) được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Bà T K S (T S K; S K T) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.518.425 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0012112 ngày 15/11/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.964.880 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu số 0002813 ngày 15/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 12/6/2024 nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 27/6/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quyết định kháng nghị số: 20/QĐKNPT – VKS –DS đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn đồng ý cho lại bị đơn 10% công giữ gìn tài sản.

Đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm có căn cứ pháp luật đề nghị bác kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị, kháng cáo sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trong hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết trong vụ án.

Nguyên đơn bà Triệu Kim S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Hồng D trả lại số tiền 205.000 USD, bà gửi về Việt Nam nhờ bà D mở sổ tiết kiệm đứng tên giùm; Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án có nguyên đơn là người Việt Nam định cư ở Mỹ và có Quốc tịch Mỹ, việc tranh chấp giữa các đương sự có liên quan đến việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quan hệ dân sự đó xảy ra ở Việt Nam. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm đ khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đương sự trong vụ án và sự vắng mặt

[1.3.1] Công văn số 423/2023/CV-CNST-DVKH, ngày 20/12/2023 của Ngân hàng V - Chi nhánh S1 (BL số 28 - 33) xác định: Bà D gửi tiết kiệm số tiền 205.000 USD vào ngày 02/3/2016, đến ngày 20/9/2016 đã tất toán sổ tiết kiệm, nên HĐXX xác định Ngân hàng V không còn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, quá trình gửi tiết kiệm thì bà D có gửi vào tài khoản đồng chủ sở hữu mang tên bà Nguyễn Thị Quế H1 tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh S1, tại Tờ tường trình ngày 03/6/2024 (BL số 166), bà H1 cho rằng đã tất toán xong và bà đã nhận đủ phần của bà, nên đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án (BL số 169). Đồng thời, việc nguyên đơn yêu cầu bà D trả số tiền tất toán vào ngày 19/02/2024 (BL số 170) do cá nhân bà D đứng tên chủ tài khoản, không liên quan đến bà H1; nên Tòa án sơ thẩm không đưa bà

H1 và Ngân hàng V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[1.3.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án triệu tập bà S và bà D tham gia đối chất tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ nhưng tại các phiên tòa đều không có mặt bà D, nên không thể tiến hành đối chất được, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3.3] Hội đồng xét xử xác định cấp sơ thẩm xác định đầy đủ đương sự trong vụ án.

[1.3.4] Nguyên đơn bà Bà T K S (T S K; S K T) ; bị đơn bà Phan Thị Hồng D vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng V vắng mặt không rõ lý do mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét nội dung kháng cáo và Quyết định kháng nghị.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và nội dung kháng nghị: Về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc bà D trả lại cho bà số tiền 8.407.121.271 đồng (bao gồm tiền vốn ban đầu và tiền lãi phát sinh).

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà S thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu bà D trả lại cho bà S số tiền 205.000 USD, quy đổi ra tiền VNĐ hiện tại và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 8.966.600.370 đồng thành yêu cầu bà D trả số tiền là 8.407.121.271 đồng (bao gồm tiền vốn ban đầu và tiền lãi phát sinh). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện vừa nêu là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu được quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đều thừa nhận vào ngày 17/8/2015, bà S chuyển cho bà D số tiền 49.000 USD, ngày 19/8/2015 bà S chuyển cho bà D số tiền 49.500 USD, ngày 20/8/2015 bà S chuyển cho bà D số tiền 49.800 USD, ngày 24/8/2015 bà S chuyển cho bà D số tiền 49.900 USD; tổng cộng 198.200 USD; chuyển từ Ngân hàng W về Việt Nam qua Ngân hàng Sacombank Thành phố S3. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại

khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại cấp phúc thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn cũng thừa nhận vấn đề này.

[2.4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, người đại diện hợp pháp của bà S cung cấp bản sao kê tài khoản Ngân hàng của bà S tại Ngân hàng W (BL số 64 - 76), thời gian chuyển tiền và số tiền đã chuyển cho bà D.

[2.5] Phía bị đơn bà D có cung cấp 04 bản *"Dịch vụ chuyển tiền"* và 04 bản *"Tiêu đề tin nhắn"* từ Ngân hàng W đến Ngân hàng S3 là Sacombank Thành phố S3" vào các ngày 17, 19, 20 và 24/8/2015 (BL số 109 - 156) thể hiện: Bà S gửi tiền cho bà D 04 lần với số tiền như đã nêu trên, mục đích các lần gửi tiền ghi *"GIFT TO A FAMILY"* là *"Tặng cho gia đình"*.

[2.6] Tại Công văn số 05/2024/CV-TTQT, ngày 04/4/2024 của Ngân hàng TMCP S2 (BL số 205) xác định: Về nguyên tắc, đối với các khoản báo có từ nước ngoài, hệ thống của Ngân hàng S3 tự động thể hiện thông tin theo mặc định lấy từ điện báo có do ngân hàng nước ngoài chuyển qua hệ thống thanh toán quốc tế Swift mà không tự bổ sung. Nội dung chuyển tiền *"GIFT FOR FAMILY"* hoặc *"GIFT TO A FAMILY"* là nguyên bản từ các điện báo có MT103 của Ngân hàng W1 - N chuyển sang cho S3.

[2.7] Theo bà S và người đại diện theo ủy quyền của bà D đều xác định: Giữa bà S với bà D có tình cảm với nhau, nhưng không phải là vợ chồng và cũng không có đăng ký kết hôn. Ngoài số tiền gởi qua ngân hàng, nguyên đơn cho rằng khi bà về Việt Nam thì bà đưa trực tiếp cho bà D thêm 6.800 USD cho chẵn số tiền 205.000 USD. Sau đó gởi tiếc kiệm tại Ngân hàng TMCP C chi nhánh S1 ngày 02/3/2016 kỳ hạn 01 tháng, do gởi bằng tiền USD không có lãi nên nguyên đơn và bị đơn rút ra đổi thành tiền Việt Nam đồng là 4.573.550.000 đồng (Theo phiếu chi số No 0151 ngày 20/9/2016 Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh S1), cùng ngày bà S bổ sung vào cho chẵn số tiền 4,6 tỷ đồng rồi tiếp tục gởi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng. Đến ngày 20/9/2017 tiền lãi là 321.808.333 đồng; ngày 20/9/2017 bà S bổ sung cho chẵn 5 tỷ đồng tiếp tục gởi tiết kiệm 12 tháng đến ngày 20/9/2019, tiền lãi 735.262.365 đồng; ngày 21/9/2019 bà S bổ sung thêm cho chẵn 6 tỷ đồng và gởi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP S2 (gọi tắt là V1). Đến ngày 04/11/2021 tiền lãi là 475.471.378 đồng. Ngày 04/11/2021 vốn gộp lãi là 7.75.471.378 đồng gởi tiết kiệm tại V1 đến ngày 04/11/2022 vốn và lãi thành 7.551.603.432 đồng tiếp tục gởi lãi tại V1 đến ngày 04/12/2023 tiền lãi là 792.711.467 đồng. Ngày 04/12/2023 vốn cộng lãi bằng 8.344.314.899 đồng

tiếp tục gởi tiết kiệm đến ngày 19/02/2024 tiền lãi là 62.806.372 đồng. Vốn gộp lãi thành: 8.407.121.271 đồng (làm tròn số 8.407.121.000 đồng).

Nguyên đơn cho biết thêm đối với kỳ gửi tiết kiệm ngày 21/9/2019; 21/10/2020 và ngày 04/11/2021 do có dịch bệnh COVID -19 nên để thêm tên bà Nguyễn Thị Quế H1 (em dâu bà D) trong tên sổ tiết kiệm, đồng sở hữu. Sauk hi không còn dịch COVID -19 thì sau khi đáo hạn và gửi tiết kiệm vào kỳ ngày 04/11/2022 và 04/11/2023 không còn để tên bà H1 mà chỉ còn tên bà D.

Nguyên đơn cho rằng số tiền 8.407.121.000 đồng hình thành từ tiền gốc 205.000 USD cộng với tiền lãi phát sinh nên yêu cầu bị đơn trả lại. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý đòi lại 90%; 10% bị đơn được hưởng do công sức giữ gìn phát triển gia tăng giá trị vốn ban đầu. Đại diện bị đơn chỉ thừa nhận số tiền nguyên đơn gởi cho bị đơn là 198.000 USD nhưng cho là tiền tặng cho với lý do nội dung chuyển tiền của nguyên đơn cho bị đơn là *"Tặng cho gia đình"*.

Tòa án cấp sơ thẩm dựa trên 04 bản *"Dịch vụ chuyển tiền"* và 04 bản *"Tiêu đề tin nhắn"* từ Ngân hàng W đến Ngân hàng thụ hưởng Sacombank Thành phố S3 vào các ngày 17, 19, 20 và 24/8/2015 (BL số 109 – 156) thể hiện nguyên đơn gửi tiền cho bị đơn 04 lần với số tiền như đã nêu trên, mục đích các lần gửi tiền ghi *"GIFT TO A FAMILY"* là *"Tặng cho gia đình"* từ đó xác định nguyên đơn tặng, cho bị đơn là không có cơ sở, không phù hợp với diễn biến quá trình gởi tiền tiết kiệm ở các Ngân hàng từ USD đến tiền đồng Việt Nam.

Bị đơn với nguyên đơn theo pháp luật Việt Nam không có quan hệ gia đình. *"Gia đình là một đơn vị xã hội cơ bản, bao gồm những người có mối quan hệ huyết thống, hôn nhân hoặc nuôi dưỡng, sống chung dưới một mái nhà và có sự tương tác, chăm sóc lẫn nhau"*.

Theo án lệ giải quyết các vụ án mà người Việt Nam ở nước ngoài gửi tiền về cho người Việt Nam mua bất động sản nhờ đứng tên dùm, thì phần giá trị tăng lên được giải quyết chia đôi, mỗi người một nửa.

Dưới góc độ *"Tặng cho gia đình"* theo các bên cho rằng có quan hệ tình cảm thì nguồn gốc, công sức đóng góp phát triển số tiền này phần lớn của nguyên đơn của tỷ lệ 70% của nguyên đơn và 30 % của bị đơn như kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị là hợp lý.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị và kháng cáo của đương sự. Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền: 5.884.984 (Năm triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi bốn) đồng.

Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải nộp: 113.884.984 (một trăm mười ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi bốn) đồng. Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm phần không được chấp nhận yêu cầu.

Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cao, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 20/QĐKNPT –VKS – DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và một phần kháng cáo của nguyên đơn Triệu Kim S. Sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ khoản 1 Điều 161, Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện (sau khi thay đổi) của nguyên đơn bà Bà T K S (T S K; S K T) đối với bị đơn Phan Thị Hồng D.

[1.1] Buộc bà Phan Thị Hồng D có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn Triệu Kim S 5.884.984.700 đồng (Năm tỷ tám trăm tám mươi tư triệu chín trăm tám tư nghìn bảy trăm đồng).

[1.2] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền là 2.522.136.300 đồng (Hai tỷ năm trăm hai mươi hai triệu một trăm ba sáu nghìn ba trăm đồng). Bị đơn Phan Thị Hồng D được hưởng số tiền này (hiện tại bà đang quản lý).

[2] Về án phí dân sự

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn Phan Thị Hồng D phải nộp: 113.884.984 đồng (Một trăm mười ba triệu tám trăm tám tư nghìn chín trăm tám mươi tư đồng)

Nguyên đơn bà Bà T K S (T S K; S K T) được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T K S (T S K; S K T)) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.518.425 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0012112 ngày 15/11/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.964.880 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu số 0002813 ngày 15/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải nộp.

[3] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn, kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Đương sự .
- Lưu VP(3), HS(2). NCA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn